TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 06-9-2023
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Bà Trịnh Thị Phúc.
2. Ông Trần Trọng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hữu Thái Dương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Vào ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2023/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con, tài sản chung khi ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 46/2023/HNGĐ-ST ngày 25-5-2023 của Toà án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc A, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 46, ấp Xóm Mới, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông A: Luật sư Nguyễn Thị E - Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị E, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

Địa chỉ: Số 45, Khu 3, thị trấn M, huyện Y, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 46, ấp Xóm Mới, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Trần Hoàng C, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số 46, ấp Xóm Mới, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Quốc A.

(Ông A, bà B, Luật sư Cúc có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Quốc Doanh trình bày: Ông và bà Trần Thị B tổ chức lễ cưới năm 1995, đến năm 2005 vợ chồng mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 120 ngày 29/9/2005. Hôn nhân của vợ chồng ông là do mai mối.

Trong thời gian chung sống từ năm 1995, vợ chồng ông đã có mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, nhưng vì lý do để đảm bảo quyền lợi cho các con nên ông vẫn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân. Mâu thuẫn vợ chồng lên đến đỉnh điểm vào năm 2019 do bà B có những xử sự không tôn trọng ông, cụ thể ông giao cho bà B quản lý tài chính trong gia đình, còn ông thì lo việc cơm nước, chăm sóc các con, đưa đón con đi học, làm ruộng, lấy hàng hóa để cho bà B buôn bán. Tuy nhiên, khi ông cần sử dụng tiền để chi phí sinh hoạt gia đình, yêu cầu bà B đưa tiền thì bà B ném tiền xuống đất để ông phải cúi xuống lượm tiền lên. Ngoài ra, trong suốt thời gian chung sống bà B chỉ lo việc buôn bán tiệm tạp hóa, không có phụ ông làm ruộng, không chăm sóc mẹ chồng, không chăm sóc gia đình, không giặt giũ quần áo, không mua quần áo cho ông, không nấu cơm, khi ông liên lạc với khách hàng trong việc buôn bán thì bà B khạc nhổ trước mặt ông, khi ông bị bệnh, bà B cũng không quan tâm hỏi han gì đến ông.

Trong quan hệ với gia đình bên chồng, bà B thiếu tôn trọng các anh chị em trong gia đình bên chồng. Ông là con trai út, nên vợ chồng ông chung sống với mẹ ruột của ông để phụng dưỡng mẹ. Khi các anh chị em của ông về thăm thì bà B dùng chổi quét đuổi, khạc nhổ trước mặt anh chồng.

Từ năm 2019, ông và bà B đã ly thân với nhau, mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm tới ai, ông muốn trao đổi vấn đề gì thì cũng thông qua các con chứ không nói chuyện trực tiếp với bà B được. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà B.

- Về con chung: Ông và bà B có 05 người con chung gồm Nguyễn Trần Hoàng Yến, sinh ngày 11/8/1996; Nguyễn Trần Hoàng Oanh, sinh ngày 04/5/1998; Nguyễn Trần Huỳnh Hương, sinh ngày 13/5/2000; Nguyễn Trần Phúc Thành, sinh ngày 21/4/2003; Nguyễn Trần Phúc Hiển, sinh ngày 26/12/2007, cháu Hiển hiện nay sống với ông. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng người con chưa thành niên là cháu Hiển, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng ông có tạo lập được một khoản tiền từ việc buôn bán tạp hóa, buôn bán lúa gạo và cho vay là 950.000.000 đồng, số tiền này hiện nay do bà B đang quản lý, ngoài ra khi ông bán một thửa đất, bà B yêu cầu ông phải giao cho bà B số tiền 1.000.000.000 đồng, tổng số tiền bà B đang quản lý là 1.950.000.000 đồng nhưng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà B tại thửa đất số 1878 (mpt), tờ bản đồ số 04, loại đất ONT, diện tích 246,8m^2, tọa lạc ấp Xóm Mới, xã X, huyện Y, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo địa chính do Công ty trách nhiệm hữu hạn

đo đạc nhà đất Hưng Phú (gọi tắt là Công ty Hưng Phú) thì theo ông nguồn gốc thửa đất 1878, tờ bản đồ 04, loại đất ở nông thôn tọa lạc tọa lạc ấp Xóm Mới, xã X, huyện Y, tỉnh Long An là mẹ của ông tặng riêng cho ông vào năm 2007 chứ không phải tặng cho vợ chồng nên không phải là tài sản chung vợ chồng. Ông được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên đối với thửa đất số 1878, tờ bản đồ số 04, loại đất ở nông thôn, ấp Xóm Mới, xã X, huyện Y, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 301179 ngày 19/11/2007 là cấp cho cá nhân ông nên thửa đất số 1878 là tài sản riêng của ông.

Thửa đất 1878 bị Nhà nước thu hồi một phần diện tích và đền bù cho mẹ ông số tiền 208.000.000 đồng. Sau khi tặng cho ông thửa đất số 1878, mẹ của ông cũng tặng cho riêng ông số tiền được đền bù và ông dùng số tiền đó để san lấp ao và xây dựng căn nhà để làm vựa lúa và buôn bán lúa gạo từ năm 2008 đến năm 2017 thì nghỉ làm vựa lúa mà chuyển sang buôn bán tạp hóa cho đến nay. Vị trí là phần diện tích 246,8m^2, thuộc một phần thửa đất 1878 theo Mảnh trích đo địa chính số 09TL-2020 ngày 14/01/2021 mà bà B đang tranh chấp. Vợ chồng ông không có bỏ tiền ra san lấp ao như bà B trình bày. Như vậy, thửa đất 1878 và nguồn tiền xây dựng căn nhà để làm tiệm tạp hóa đều là của mẹ ông cho nên đây là tài sản riêng của ông. Vì vậy, ông không đồng ý yêu cầu chia tài sản của bà B. Hiện nay, phần đất thuộc thửa đất số 1878 (mpt) mà bà B đang tranh chấp đang do chị Nguyễn Trần Hoàng Oanh là con ruột của ông A và bà B quản lý sử dụng.

- Về nợ chung: Ông A trình bày không có.

Tại đơn khởi kiện về tranh chấp tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân đề ngày 04/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, bị đơn bà Trần Thị B trình bày:

- Về thời gian cưới nhau, về quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn, con chung bà thống nhất với ý kiến của ông A. Về quan hệ hôn nhân giữa bà và ông A là không có mâu thuẫn gì, bà không đồng ý với lời trình bày của ông A về mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà và ông A. Bà có ý kiến là nếu vợ chồng có mâu thuẫn thì đã không thể sinh ra 05 người con.

Về mối quan hệ với gia đình bên chồng, theo bà cũng không có mâu thuẫn. Tuy nhiên, khi bà và ông A mới cưới nhau, các anh chị em bên chồng có lời lẽ không hay đối với bà và gia đình bà, coi thường gia đình bà. Các anh chị em bên chồng can thiệp quá sâu vào đời sống hôn nhân của vợ chồng bà. Gia đình bên chồng quá khó khăn với bà. Tuy nhiên, để duy trì quan hệ hôn nhân, bà cũng đã cố gắng chịu đựng nhiều năm nay, cùng hợp tác với gia đình bên chồng để làm kinh tế gia đình như giữ gìn tài sản gia đình chồng, tham gia làm nông phụ gia đình chồng, tham gia buôn bán để có thu nhập nuôi con. Về việc ông A cho rằng bà không chăm sóc mẹ chồng khi mẹ chồng bệnh là không đúng, mẹ chồng nằm viện thì ban ngày bà cũng có đem cơm vô cho mẹ chồng, còn ban đêm ông A vào viện để nuôi mẹ chồng.

Trong khi đó, ông A không trung thực với bà về vấn đề mua bán lúa gạo, cụ thể, ông A nói với bà đem bán gạo, nhưng khi có người gọi điện thoại tới thì ông A nói là cho, từ đó làm cho vợ chồng mất lòng tin vào nhau. Nhưng vợ chồng ai

cũng có khuyết điểm, bà vẫn tạo điều kiện cho ông A khắc phục để duy trì hôn nhân. Ông A cho rằng bà quản lý tài sản quá chặt là không đúng. Bởi vì ông A có chăn nuôi gà, ông A có cho người khác vay tiền có nhận được tiền lãi, ông A cũng có thu nhập để chi tiêu. Ông A còn vay tiền của ngân hàng để tiêu xài riêng. Khoản nợ này đã thanh toán xong. Hiện tại, vợ chồng bà không còn nợ ai nữa. Trong quá trình sử dụng tài sản chung của vợ chồng, ông A tự định đoạt tài sản chung, không qua ý kiến của bà.

Bà B không đồng ý ly hôn với ông A với những lý do sau đây:

+ Thứ 1, hai người con gái lớn của vợ chồng bà sắp tổ chức đám cưới, để con gái không bị điều tiếng xã hội và đảm bảo hạnh phúc cho con.

+ Thứ 2, vợ chồng vẫn sống chung nhà bình thường.

+ Thứ 3, những lời trình bày của ông A là không đúng.

-Về con chung: Do bà không đồng ý ly hôn nên bà không có ý kiến về con chung. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng bà ly hôn, bà có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Phúc Hiển, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông A được mẹ ruột tặng cho 06 thửa đất gồm các thửa đất số 2055, 1872, 1874, 1876, 4355, 1878, cùng tờ bản đồ số 04, cùng tọa lạc xã X, huyện Y, tỉnh Long An. Mặc dù là các thửa đất này là mẹ ruột của ông A cho ông A nhưng việc tặng cho này là trong thời kỳ hôn nhân với bà và ông A nên đây là tài sản chung của bà và ông A.

Bà B khẳng định bà không đồng ý ly hôn với ông A, nhưng vì bà có nhu cầu sử dụng riêng một phần thửa đất số 1878 nên bà mới tranh chấp với ông A đối với thửa đất số 1878, có vị trí theo Mảnh trích đo địa chính số 09TL-2020 ngày 14/01/2021 của Công ty Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Y duyệt ngày 19/01/2021 và Mảnh trích đo địa chính số 18/B-2022 của Công ty Hưng Phú ngày 07/11/2022, trên phần đất này có gắn liền với căn nhà hiện nay dùng làm nơi buôn bán tạp hóa của gia đình bà. Ngoài phần đất này ra, bà không tranh chấp với ông A tài sản nào khác.

Vị trí cụ thể bà yêu cầu được nhận theo Mảnh trích đo địa chính số 09TL-2020 của Công ty Hưng Phú được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Y duyệt ngày 19/01/2021 và Mảnh trích đo địa chính số 18/B-2022 của Công ty Hưng Phú ngày 07/11/2022 có vị trí tại Khu B, diện tích 96,2m^2, trên phần đất này có 01 phần căn nhà là 93,1m^2 và một phần mái che là 3,1m^2.

Hiện nay, chị Nguyễn Trần Hoàng Oanh đang quản lý sử dụng vị trí đất Khu B nêu trên để mua bán tạp hóa, bà yêu cầu chị Oanh phải di dời các loại hàng hóa ra khỏi vị trí đất tại Khu B để giao mặt bằng cho bà B. Trước đây, trong quá trình hòa giải bà có trình bày tại vị trí thửa đất số 1878 (mpt) theo mảnh trích đo địa chính số 09TL-2020 của Công ty Hưng Phú thì hiện trạng đất trước kia là ao nước, vợ chồng bà là người san lấp ao và xây dựng tiệm tạp hóa với chi phí 100.000.000 đồng vào thời điểm năm 2008, nhưng thời điểm san lấp ao bà kêu người san lấp và trả tiền liền theo từng chuyến nên bà không có gì

chứng minh đối với việc san lấp ao này, bà cũng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho việc xây dựng căn nhà làm tiệm tạp hóa.

Còn đối với số tiền nhà nước đền bù đất cho mẹ chồng bà là 208.000.000 đồng, mẹ chồng bà mới cho lại vợ chồng bà và vợ chồng bà đã chi phí vào việc xây dựng hàng rào tiếp giáp chủ sử dụng đất liền kề vào khoảng năm 2005-2006 là 28.000.000 đồng, còn lại 180.000.000 đồng thì vợ chồng bà chi phí vào việc nuôi các con trong 02 năm thì hết khoản tiền này. Việc xây dựng hàng rào không giấy tờ gì chứng minh, bởi vì sau khi xây dựng hàng rào xong là trả tiền dứt luôn nên không có làm giấy tờ.

Hiện nay, bà không có chỗ ở nào khác cũng như công việc nào khác để tạo ra thu nhập để sinh sống nên bà yêu cầu được nhận vị trí Khu B, diện tích 96,2m^2, trên phần đất này có 01 phần căn nhà diện tích là 93,1m^2 và một phần mái che là 3,1m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 09TL-2020 của Công ty Hưng Phú được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Y duyệt ngày 19/01/2021 và Mảnh trích đo địa chính số 18/B-2022 của Công ty Hưng Phú ngày 07/11/2022.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho bà và ông A ly hôn thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung theo quy định pháp luật.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 46/2023/HNGĐ-ST ngày 25-5-2023 của Toà án nhân dân huyện Y đã căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 56, 59, 62, 63, 64, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc A về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn bà Trần Thị B.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc A được ly hôn với bà Trần Thị B.

Về nuôi con chung: Giao cho ông Nguyễn Quốc A nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Nguyễn Trần Phúc Hiển, sinh ngày 26/12/2007. Bà Trần Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Xác định tài sản chung của ông Nguyễn Quốc A và bà Trần Thị B là phần đất có diện tích 246,8m^2 thửa đất số 1878 (mpt), tờ bản đồ số 04, loại đất ONT, tọa lạc ấp Xóm Mới, xã X, huyện Y, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 09TL-2020 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất tại huyện Y duyệt ngày 19/01/2021 và Mảnh trích đo địa chính số 18/B-2022 ngày 07/11/2022 của Công ty Hưng Phú; căn nhà có diện tích 163,7m^2, mái che có diện tích 48,7m^2. Tổng giá trị là 4.252.061.000 đồng. Chia cho bà Trần Thị B 1.704.983.041 đồng (một tỷ bảy trăm linh bốn triệu chín trăm tám mươi ba nghìn không trăm bốn mươi mốt đồng), chia cho ông Nguyễn Quốc A 2.547.077.959 đồng (hai tỷ năm trăm bốn mươi bảy triệu không trăm bảy mươi bảy mươi bảy nghìn chín trăm năm chín đồng)

Giao tài sản cho ông Nguyễn Quốc A quản lý sử dụng gồm: phần đất có diện tích 246,8m^2 thửa đất số 1878 (mpt), tờ bản đồ số 04, loại đất ONT, tọa lạc ấp Xóm Mới, xã X, huyện Y, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 09TL-2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất tại huyện Y duyệt ngày 19/01/2021 và Mảnh trích đo địa chính số 18/B-2022 ngày 07/11/2022 của Công ty Hưng Phú; Căn nhà chính; mái che có kết cấu theo Chứng thư thẩm định giá số 03/06/01/2023/TĐG- LA-BĐS ngày 06/01/2023 của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức.

Ông Nguyễn Quốc có trách nhiệm thanh toán lại giá trị chênh lệch cho bà Trần Thị B 1.704.983.041 đồng (một tỷ bảy trăm linh bốn triệu chín trăm tám mươi ba nghìn không bốn mươi mốt đồng).

Xác định thửa đất số 1878 (pcl), tờ bản đồ 04, diện tích còn lại sau khi trừ diện tích 246,8m^2, loại đất ở nông thôn, tọa lạc ấp Xóm Mới, xã X, huyện Y, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 546779 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho ông Nguyễn Quốc A ngày 18/3/2018 là tài sản riêng của ông ông A.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về chi phí tố tụng: 49.500.000 đồng (bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng). Bà B phải chịu 19.844.550 đồng (mười chín triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi đồng). Ông A phải chịu 29.655.450 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi đồng). Bà B đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng. Ông A có nghĩa vụ hoàn lại cho bà B số tiền 29.655.450 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Về án phí: Ông Nguyễn Quốc A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp theo biên lai thu số 0008770 ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y sang án phí. Ông Nguyễn Quốc A phải chịu 82.941.569 đồng (tám mươi hai triệu chín trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng) án phí chia tài sản chung. Bà Trần Thị B phải chịu 63.149.491 đồng (sáu mươi ba triệu một trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi mốt đồng) án phí chia tài sản chung, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp là 8.337.000 đồng (tám triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008545 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân huyện Y, bà B còn phải nộp tiếp án phí là 54.812.491 đồng (năm mươi bốn triệu tám trăm mười hai nghìn bốn trăm chín mươi mốt đồng).

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 09/6/2023, ông Nguyễn Quốc A kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do: Sau khi vợ ông sinh đứa con út vào năm 2007, năm 2008 mẹ ông lãnh tiền đền bù giải tỏa đất đai lộ giới được số tiền 208.000.000 đồng, mẹ ông đã cho ông cất căn tiệm để dựa lúa gạo bán, công việc chủ yếu là do ông đứng ra mua bán. Khoảng năm 2010, con đã lớn một chút thì bà B có ra phụ ông buôn bán. Lúc này ông giao hết tiền vốn mua bán lúa gạo cho bà B quản lý, ông chỉ quan hệ mua lúa về và lo công việc nhà cơm nước cho con cái. Đến năm 2017, vợ chồng mới thỏa thuận ra bán tạp hóa nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân, tiền vốn mua bán lúa gạo bà B còn giữ là 800.000.000 đồng và 150.000.000 đồng tiền cho vay người ta trả lại bà B giữ tất cả là 950.000.000 đồng. Cuối năm 2019 bà B bệnh không buôn bán được nên vợ chồng thống nhất giao căn tiệm tạp hóa lại cho con gái là Nguyễn Trần Hoàng Oanh bán từ tháng 01/2020 cho đến đó số hàng hóa trong tiệm tạp hóa chỉ còn khoảng 200 triệu đồng.

Sau khi ly thân vào năm 2019, vợ chồng tự ai nấy sống, đến năm 2021 chị em của ông thống nhất bán thửa đất ruộng 1876 để lo cho mẹ ông bị bệnh và cất lại căn nhà thờ và gia đình ông có chia công sức đóng góp cho bà B số tiền 1 tỷ đồng để bà B có điều kiện sinh sống, tại phiên tòa sơ thẩm bà B đã xác nhận có nhận 1 tỷ đồng này nhưng không được Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu của bà B với lý do đã chia cho bà B giữ số tiền 1.950.000.000 đồng rồi.

Về số tiền tài sản chung 950.000.000 đồng bà B đã giữ để bà sinh sống ông cũng không ý kiến nhưng số tiền 1 tỷ đồng ông bán ruộng đã chia cho bà B trong thời gian ly thân, bà B xác nhận rõ ràng tại Tòa là có nhận nhưng Hội đồng xét xử không khấu trừ số tiền này vào số tiền chênh lệch chia tài sản mà Tòa buộc ông phải giao lại cho bà B là quá thiệt thòi cho ông.

Ông yêu cầu Tòa phúc thẩm tỉnh Long An xem xét lại bản án này, cải sửa một phần bản án sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông để khấu trừ 1 tỷ đồng mà bà B đã nhận trong thời gian ly thân vào số tiền ông phải thanh toán

chia tài sản cho bà Trần Thị B 1.704.983.041 đồng. Ông đồng ý thanh toán tiếp cho bà B số tiền 704.983.041 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút yêu cầu độc lập và các đương sự tranh luận như sau:

Luật sư Nguyễn Thị E bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm bà B đã thừa nhận có nhận của nguyên đơn giao số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), đây là tài sản riêng của ông A nên lẽ ra Toà án cấp sơ thẩm phải khấu trừ khoản tiến này vào khoản tiền mà ông A phải chia cho bà B nhưng Toà án sơ thẩm không khấu trừ là thiệt thòi quyền lợi của ông A. Ngoài ra, 150.000.000 đồng và 80.000.000 đồng tiền mua bán lúa gạo nhưng ông A không yêu cầu Toà án giải quyết số tiền này. Bà B cho rằng có nhận số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) là tiền cho con chung là không đúng vì ông A không thừa nhận và nếu có việc cho con thì do ông A tự quyết định.

- Ông Nguyễn Quốc A không tranh luận bổ sung.

- Bà Trần Thị B tranh luận: Ông A cho rằng chia cho bà phần tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) thì yêu cầu xuất trình chứng cứ; số này là cho con chứ không phải cho bà và bà đã xuất trình giấy tờ cho Toà án rồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Nguyễn Quốc A có trình bày rằng bà B đang quản lý số tiền chuyển nhượng đất là 1.000.000.000 đồng nhưng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết; đồng thời bà B cũng không có tranh chấp gì đối với các tài sản này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét phần tài sản này trong vụ án là có căn cứ, trong trường hợp này các đương sự có tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản chung của ông Nguyễn Quốc A và bà Trần Thị B là phần đất có diện tích 246,8m^2 thửa 1878 (mpt) tờ bản đồ số 4, loại đất ONT, tọa lạc tại ấp Xóm Mới, xã X, huyện Y, tỉnh Long An và căn nhà có diện tích 163,7m^2 cùng mái che diện tích 48,7m^2 gắn liền với đất, tổng giá trị tài sản là 4.252.061.000 đồng; trong đó chia cho bà Trần Thị B 1.704.983.041 đồng, chia cho ông Nguyễn Quốc A số tiền 2.547.077.959 đồng; do ông A được chia tài sản nhận bằng hiện vật nên ông Nguyễn Quốc A có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho bà Trần Thị B 1.704.983.041 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, ông Nguyễn Quốc A kháng cáo yêu cầu

khấu trừ tiền chuyển nhượng 1.000.000.000 đồng vào số tiền ông A phải thanh toán chia tài sản cho bà B 1.704.983.041 đồng là không có cơ cở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc A và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Quốc A kháng cáo trong thời hạn luật định là hợp lệ, đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn có nơi cư trú tại xã X, huyện Y, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Bà Nguyễn Trần Hoàng C đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà C.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo Giấy chứng kết hôn số 120, quyển 01, ngày 29/9/2005 của Uỷ ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Long An thì ông Nguyễn Quốc A và bà Trần Thị B là vợ chồng hợp pháp; có thời kỳ hôn nhân từ năm 2005 đến ngày quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự có mặt thống nhất không có kháng cáo về phần hôn nhân, con chung, cấp dưỡng, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm các vấn đề nêu trên.

[2.3] Tại đơn kháng cáo đề ngày 08/6/2023 cũng như tại phiên toà phúc thẩm, ông A thể hiện ý kiến đồng ý với án sơ thẩm về việc phân chia tài sản chung đối với thửa đất số 1878, tờ bản đồ số 04, loại đất ở tại nông thôn, toạ lạc tại ấp Xóm Mới, xã X, huyện Y, tỉnh Long An; đồng ý thanh toán cho bà B số tiền 1.704.983.041 đồng, sau khi trừ đi 1.000.000.000 đồng mà bà B đã nhận khi gia đình ông chuyển nhượng thửa đất số 1876 khi ông A và bà B ly thân. Tuy nhiên, ông A không xuất trình được tài liệu nào chứng minh sẽ khấu trừ số tiền 1.000.000.000 đồng mà bà B đã nhận vào việc phân chia tài sản chung sau này. Hơn nữa, hiện tại các bên tranh chấp phân chia tài sản chung là 1878, không phải phân chia thửa 1876, cũng không phải tranh chấp tất cả các thửa đất mà hiện ông A đang đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay tất cả các tài sản chung giữa ông A và bà B. Bên cạnh đó, tại phiên toà phúc thẩm ông A cũng thừa nhận rằng số tiền 1 tỷ nêu trên là tài sản chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở khấu trừ 1.000.000.000 đồng theo kháng cáo của ông A.

Từ đó thấy rằng, kháng cáo của ông Nguyễn Quốc A là không có cơ sở chấp nhận; lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tại phiên toà là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông A đều phải chịu theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Các khoản khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị sẽ có hiệu lực sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 293, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc A.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 46/2023/HNGĐ-ST ngày 25-5-2023 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 148, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 56, 59, 62, 63, 64, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc A về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn bà Trần Thị B.

[1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc A được ly hôn với bà Trần Thị B.

[2] Về nuôi con chung: Giao cho ông Nguyễn Quốc A nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Nguyễn Trần Phúc Hiển, sinh ngày 26/12/2007. Bà Trần Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Xác định tài sản chung của ông Nguyễn Quốc A và bà Trần Thị B là phần đất có diện tích 246,8m^2 thửa đất số 1878 (mpt), tờ bản đồ số

04, loại đất ONT, tọa lạc ấp Xóm Mới, xã X, huyện Y, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 09TL-2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất tại huyện Y duyệt ngày 19/01/2021 và Mảnh trích đo địa chính số 18/B-2022 ngày 07/11/2022 của Công ty Hưng Phú; căn nhà có diện tích 163,7m^2, mái che có diện tích 48,7m^2. Tổng giá trị là 4.252.061.000 đồng. Chia cho bà Trần Thị B 1.704.983.041 đồng (một tỷ bảy trăm linh bốn triệu chín trăm tám mươi ba nghìn không trăm bốn mươi mốt đồng), chia cho ông Nguyễn Quốc A 2.547.077.959 đồng (hai tỷ năm trăm bốn mươi bảy triệu không trăm bảy mươi bảy mươi bảy nghìn chín trăm năm chín đồng)

[3.1] Giao tài sản cho ông Nguyễn Quốc A quản lý sử dụng gồm: phần đất có diện tích 246,8m^2 thửa đất số 1878 (mpt), tờ bản đồ số 04, loại đất ONT, tọa lạc ấp Xóm Mới, xã X, huyện Y, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 09TL-2020 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất tại huyện Y duyệt ngày 19/01/2021 và Mảnh trích đo địa chính số 18/B-2022 ngày 07/11/2022 của Công ty Hưng Phú; Căn nhà chính; mái che có kết cấu theo Chứng thư thẩm định giá số 03/06/01/2023/TĐG-LA-BĐS ngày 06/01/2023 của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức.

[3.2] Ông Nguyễn Quốc A có trách nhiệm thanh toán lại giá trị chênh lệch cho bà Trần Thị B 1.704.983.041 đồng (một tỷ bảy trăm linh bốn triệu chín trăm tám mươi ba nghìn không bốn mươi mốt đồng).

[3.3] Xác định thửa đất số 1878 (pcl), tờ bản đồ 04, diện tích còn lại sau khi trừ diện tích 246,8m^2, loại đất ở nông thôn, tọa lạc ấp Xóm Mới, xã X, huyện Y, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 546779 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho ông Nguyễn Quốc A ngày 18/3/2018 là tài sản riêng của ông A.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về chi phí tố tụng: 49.500.000 đồng (bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng). Bà B phải chịu 19.844.550 đồng (mười chín triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi đồng). Ông A phải chịu 29.655.450 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi đồng). Bà B đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng. Ông A có nghĩa vụ hoàn lại cho bà B số tiền 29.655.450 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

[5] Về án phí sơ thẩm:

[5.1] Buộc ông Nguyễn Quốc A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp theo biên lai thu số 0008770 ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y sang án phí. Ông Nguyễn Quốc

phải chịu 82.941.569 đồng (tám mươi hai triệu chín trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng) án phí chia tài sản chung.

[5.2] Buộc bà Trần Thị B phải chịu 63.149.491 đồng (sáu mươi ba triệu một trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi mốt đồng) án phí chia tài sản chung, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp là 8.337.000 đồng (tám triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008545 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân huyện Y, bà B còn phải nộp tiếp án phí là 54.812.491 đồng (năm mươi bốn triệu tám trăm mười hai nghìn bốn trăm chín mươi mốt đồng).

[6] Về án phí phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Quốc A phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng mà ông A đã tạm ứng theo biên lai thu số 0005620 ngày 09/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

[7] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh